

Số:/QĐ-ĐHQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý cảnh cáo học vụ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Căn cứ Quyết định số 260/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016 do bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-ĐHQT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-ĐHQT ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế về việc phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Giám hiệu Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản số 200/BB-ĐHQT ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc họp xét xử lý học vụ sinh viên trường Đại học Quốc tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học tại Tờ trình số 168/TTr-ĐTĐH ngày 15 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý cảnh cáo học vụ đối với 149 sinh viên (danh sách đính kèm):

1. 11 sinh viên có điểm trung bình tích lũy dưới 35 điểm.
2. 23 sinh viên có điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp dưới 40 điểm.

3. 81 sinh viên có điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp dưới 40 điểm và điểm trung bình tích lũy dưới 35 điểm.

4. 34 sinh viên không đóng học phí đúng quy định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đinh Đức Anh Vũ

DANH SÁCH CẢNH CÁO HỌC VỤ SINH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT, ngày tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
1	BABAAD23003	Phạm Thái Việt	Anh	0.0	25.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
2	BABAAU23004	Lê Hàn	Vũ	29.9	30.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
3	BABAIU22278	Đỗ Ngọc Quỳnh	Trang	0.0	12.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
4	BABAIU22440	Huỳnh Trần Thanh	Hằng	23.4	36.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
5	BABAIU22491	Hồ Nguyễn	Đức	32.2	39.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
6	BABAIU23091	Nguyễn Thiên	Hưng	50.4	17.7	Điểm trung bình tích lũy < 35
7	BABAIU23159	Nguyễn Hoài	Nam	32.2	33.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
8	BABAIU23250	Trần Thị Phương	Thảo	30.6	34.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
9	BABAIU23299	Hoàng Quang	Tuyển		19.0	Điểm trung bình tích lũy < 35
10	BABAUH21126	Đinh Tiến	Nam	15.3	15.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
11	BABAWE21530	Lý Xuân	Kiệt	33.7	36.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
12	BABAWE21551	Phạm Công	Minh	38.7	38.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
13	BABAWE21556	Nguyễn Nhật	Mỹ	29.7	30.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
14	BABAWE21651	Trần Huỳnh Thảo	Uyên	36.6	37.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
15	BABAWE22344	Vũ Thanh	Bình	5.6	5.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
16	BABAWE23017	Nguyễn Đào Thái	Bảo	24.5	15.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
17	BEBEIU21040	Nguyễn Nhật	Anh	15.7	13.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
18	BEBEIU21057	Đình Gia	Hòa	20.1	20.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
19	BEBEIU21165	Nguyễn Vũ	Quỳnh	22.5	30.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
20	BEBEIU21205	Nguyễn Hoàng Nhật	Duy	38.9	39.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
21	BEBEIU22233	Đỗ Hoàng	Hà	30.6	26.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
22	BEBEIU22261	Lê Quang	Hiền	43.7	30.1	Điểm trung bình tích lũy < 35
23	BEBEIU22278	Trần Thị Xuân	Anh	14.7	18.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
24	BEBEIU23016	Trần Lê Nguyên	Khánh	27.7	31.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
25	BEBEIU23035	Lê Quý	Thiện	29.4	34.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
26	BTBTIU21111	Trần Nam	Trung	29.9	31.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
27	BTBTIU23021	Văn Bá	Đức	31.7	39.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
28	BTBTIU23093	Võ Ngọc Gia	Uyên	36.9	36.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
29	BTBTIU23115	Trần Vũ Thanh	Thảo	29.9	24.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
30	BTBTIU23150	Nguyễn Lưu Đức	Lâm	35.8	33.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
31	BTBTUN23003	Nguyễn Phú	Đức	2.8	30.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
32	BTBTWE22127	Nguyễn Minh	Hoàng	0.9	28.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
33	BTBTWE23008	Nguyễn Mai	Dương	34.3	28.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
34	BTBTWE23010	Nguyễn Khoa	Huân	36.5	38.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
35	BTBTWE23013	Nguyễn Hoàng Hải	Ngân	36.7	36.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
36	BTBTWE23014	Lý Thanh	Sơn		4.6	Điểm trung bình tích lũy < 35
37	BTBTWE23032	Trần Thanh	Huy	20.3	31.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
38	BTFTIU21187	Võ Thiện	Phú	36.7	38.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
39	BTFTIU23018	Lê Trần Vũ	Lâm	8.2	15.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
40	CECEIU22086	Lữ Nguyên Minh	Phúc	26.0	36.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
41	CECMIU22041	Nguyễn Bảo	Thuận	19.8	35.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
42	CHCEIU22027	Nguyễn Kỳ Anh	Nhật	39.1	39.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
43	CHCEIU22036	Giáp Minh	Tuấn	35.8	37.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
44	CHCEIU22041	Hoàng Nhật	Minh	38.9	35.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
45	CHCEIU23007	Phạm Xuân	Anh	12.8	12.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
46	CHCEIU23014	Trần Trung	Hiếu	25.0	37.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
47	CHCEIU23058	Nguyễn Trung	Hiếu	7.7	7.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
48	EEACIU21136	Trịnh Thanh	Phúc	39.4	39.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
49	EEACIU22097	Phan Hữu	Phúc	30.9	30.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
50	EEACIU22179	Ngô Quốc	Duy	30.5	27.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
51	EEACIU23002	Nguyễn Tấn Thiên	Ân	21.5	19.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
52	EEACIU23030	Bùi Trần Công	Khanh		31.8	Điểm trung bình tích lũy < 35
53	EEACIU23034	Nguyễn Trần Minh	Khoa	24.0	19.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
54	EEEEIU22069	Trần Thuận	Thành	30.3	35.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
55	EEEEIU22086	Ngô Xuân	Dương	12.4	8.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
56	EEEEIU22107	Nguyễn Phúc	Tấn	38.6	29.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
57	EEEEIU23008	Phạm Tuấn	Hung		26.0	Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
58	EEEEWE23002	Nguyễn Hồ Minh	Khánh	26.3	27.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
59	BAFNIU21411	Hồ Việt	Cường	21.7	20.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
60	BAFNIU21618	Lê Hùng	Vĩ	13.5	12.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
61	FAACIU23040	Nguyễn Xuân	Thành	25.4	33.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
62	FAFBIU22130	Võ Hoàng Yến	Nhi	15.9	14.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
63	FAFBIU23037	Dương Gia	Hân	19.6	19.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
64	FAFBIU23051	Đinh Thị Thu	Huyền	20.0	22.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
65	FAFBIU23071	Đặng Diệu	Linh	24.4	29.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
66	FAFBIU23086	Nguyễn Tiến	Nam	22.2	29.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
67	FAFBIU23138	Nguyễn Trần Hoàng	Sơn	27.1	33.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
68	ENENIU23028	Trần Trịnh Minh	Khuê	36.4	33.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
69	ENENWE21294	Hạ Phương	Uyên	26.0	19.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
70	ENENWE21448	Võ Thành	Đạt	23.1	23.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
71	ENENWE23035	Trần Kỳ	Vĩ	30.8	23.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
72	ENENWE23062	Ngô Kiều	Khanh		5.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
73	ENENWE23127	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	28.9	36.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
74	ENENWE23140	Lê Trần Thiên	Ân	25.0	38.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
75	IEIEIU22042	Lê Võ Thanh	Tùng	5.9	10.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
76	IEIEIU23016	Trần Minh	Khoa	36.5	28.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
77	IEIEIU23027	Nguyễn Ngọc	Phước	10.3	6.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
78	IEIEIU23036	Nguyễn Ngô Minh	Thư	31.4	27.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
79	IELSIU21164	Lê Minh	Trí	20.8	22.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
80	IELSIU22043	Hà Bảo	Kha	9.3	15.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
81	IELSIU22241	Nguyễn Trần Anh	Vũ	16.2	29.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
82	IELSIU22293	Phạm Trần Hưng	Phát	30.3	27.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
83	IELSIU22300	Nguyễn Trần	Hung	21.3	25.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
84	IELSIU22354	Hồ Văn	Minh	21.1	16.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
85	IELSIU23017	Đỗ Mạnh	Dũng	38.0	30.8	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
86	ITCSIU22277	Trương Thái	Bảo	67.0	33.1	Điểm trung bình tích lũy < 35
87	ITDSIU23012	Nguyễn Phan Hải	Lâm	25.2	25.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
88	ITITDK22122	Phan Thanh	Việt	32.3	33.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
89	ITITDK23020	Nguyễn Đức	Hoàng	20.8	16.4	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
90	ITITDK23035	Tào Trung	Minh	26.4	19.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
91	ITITIU21236	Lê Nguyễn Hữu	Lộc	3.6	3.6	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
92	ITITIU21258	Lê Quang	Nghiêm		3.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
93	ITITIU21264	Trần Khôi	Nguyên	30.0	32.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
94	ITITIU21341	Nguyễn Nhật	Tùng	23.8	27.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
95	ITITIU23020	Đào Ngọc	Quý		14.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
96	ITITIU23022	Huỳnh Nguyễn Quang	Sang	0.0	0.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
97	ITITUN21036	Nguyễn Nhật	Quang	39.7	35.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
98	ITITWE21076	Nguyễn Xuân	Khoa	29.2	30.7	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
99	ITITWE21077	Phạm Hữu Duy	Khoa	38.1	31.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
100	ITITWE21078	Trịnh Phạm Khánh	Nam	28.9	23.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
101	ITITWE22121	Nguyễn Hữu Nguyên	Anh	31.7	26.9	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
102	ITITWE22126	Nguyễn Trung	Tín	16.9	17.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	ĐTBTL HK trước	ĐTBTL HK	Lỗi cảnh cáo học vụ
103	ITITWE22132	Trần Khánh	Duy	29.2	27.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
104	ITITWE22135	Võ Gia	Kiệt		33.8	Điểm trung bình tích lũy < 35
105	ITITWE22138	Bùi Đình	Doanh	20.5	19.2	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
106	ITITWE22147	Nguyễn Đức	Thắng	38.5	33.0	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
107	ITITWE22163	Lâm Mậu	Huy	36.1	30.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
108	MAMAIU21063	Phan Minh	Hải	27.0	39.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40
109	MAMAIU21074	Nguyễn	Khương	17.0	17.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
110	MAMAIU22129	Đặng Huy	Hoàng	36.8	33.5	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
111	MAMAIU23004	Lê Nhật	Anh	32.1	31.1	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
112	MAMAIU23011	Hồ Trần Tiến	Đạt	43.6	20.2	Điểm trung bình tích lũy < 35
113	MAMAIU23037	Lý Nguyễn	Minh	0.0	28.3	Điểm trung bình tích lũy hai học kỳ liên tiếp < 40, Điểm trung bình tích lũy < 35
114	MAMAIU23065	Phan Hoài Bảo	Uyên		30.9	Điểm trung bình tích lũy < 35
115	SESEIU23014	Võ Thành Nguyên	Giáp	81.8	27.9	Điểm trung bình tích lũy < 35

DANH SÁCH CẢNH CÁO HỌC VỤ SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQT, ngày tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

STT	Mã số sinh viên	Họ lót	Tên	Học phí nợ cũ	Học phí học kỳ	Học phí đã đóng	Học phí còn nợ
1	BABAAD24046	Nguyễn Phương	Vy	-	29.788.080	-	29.788.080
2	BABALU24004	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thy	-	29.788.080	-	29.788.080
3	BABASY24017	Trần Thị Hồng	Hạnh	-	29.788.080	-	29.788.080
4	BABAUH21180	Vương Nguyễn Đan	Thảo	6.854.150	-	-	6.854.150
5	BABAUH22218	Huỳnh Nguyễn Trúc	Phuong	-	8.761.200	-	8.761.200
6	BABAUH23052	Nguyễn Quỳnh	Hương	(4.987.792)	28.886.928	14.317.525	9.581.611
7	BABAUH24042	Hoàng Thị Anh	Thi	-	29.788.080	-	29.788.080
8	BABAUN22053	Nguyễn Hoàng	Dung	6.066.604	-	-	6.066.604
9	BABAWE21413	Mai Minh	Thư	12.926.600	-	-	12.926.600
10	BABAWE23017	Nguyễn Đào Thái	Bảo	-	69.689.088	317.525	69.371.563
11	BABAWE24027	Nguyễn Phan Hoàng	Bách	-	29.788.080	-	29.788.080
12	BEBEIU24003	Nguyễn Vũ Thiên	Ân	-	29.788.080	-	29.788.080
13	BTBTIU23039	Trần Gia	Khang	-	14.894.040	487.625	14.406.415
14	BTBTIU24024	Hà Thị Anh	Đào	-	29.788.080	-	29.788.080
15	CECMIU22047	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	-	11.389.560	-	11.389.560
16	EEACIU22084	Lê Trọng	Nghĩa	-	29.788.080	14.894.040	14.894.040
17	EEACIU22179	Ngô Quốc	Duy	240.120	22.153.320	-	22.393.440
18	EEEEIU22071	Trần Đăng	Khoa	226.780	17.422.272	-	17.649.052
19	EEEEIU24079	Nguyễn Tiến	Thiện	-	21.452.424	-	21.452.424
20	BAFNIU21618	Lê Hùng	Vĩ	-	29.788.080	-	29.788.080
21	FAACIU22036	Đỗ Thị	Luyến	(844)	26.821.788	-	26.820.944
22	FAACIU24046	Trần Minh	Thư	-	29.788.080	-	29.788.080
23	FAECIU23033	Trần Thảo	Vy	(3.195.980)	11.389.560	317.525	7.876.055
24	FAFBIU24022	Trần Thanh	Bình	-	16.058.028	-	16.058.028
25	IEIEIU23020	Lâm Thị Thu	Ngân	-	14.894.040	-	14.894.040
26	ITCSIU21005	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	-	12.541.032	-	12.541.032
27	ITCSIU21165	Nguyễn Mai Hoàng	Anh	293.480	20.325.984	-	20.619.464
28	ITCSIU24037	Quách Vũ Thiệu	Khang	-	29.788.080	-	29.788.080
29	ITITDK21072	Nguyễn Tiến	Hưng	-	13.517.280	-	13.517.280
30	ITITDK23020	Nguyễn Đức	Hoàng	-	40.076.232	317.525	39.758.707
31	ITITWE21069	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	-	57.072.960	-	57.072.960
32	ITITWE24021	Nguyễn Vĩnh Nhật	Quang	-	41.202.672	-	41.202.672
33	MASTIU24022	Nguyễn Thúy	Vy	-	29.788.080	-	29.788.080
34	SESEIU24031	Vũ Quốc	Việt	-	29.788.080	14.894.000	14.894.080